

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 10/12/2020.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – TP. CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Bá Lộc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**

2. Ông **Nguyễn Văn Đông**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Xa**

Ngày **10** tháng **12** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu L** - sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số 106, tổ 4, ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Anh T** - sinh năm: 2000

Địa chỉ: khu vực F, phường H, quận Thốt Nốt, Cần Thơ.

(*Tất cả có yêu cầu vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hữu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Anh T do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau nhưng vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2020 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xảy ra bất hòa dẫn đến hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, từ khi ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến nhau, ông và bà T cũng không có biện pháp gì để hàn

gắn tình cảm. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T yêu cầu ly hôn để chấm quan hệ vợ chồng.

Về con chung, nợ chung: Quá trình vợ chồng chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T, do ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Trần Hữu L về việc ông bà bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 11/2019 có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay qua yêu cầu ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với ông Trần Hữu L thì bà đồng ý.

Về con chung, nợ chung: Bà thống nhất ý kiến của ông L trình bày.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Anh T là vợ chồng.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Trần Hữu L, bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà ông là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:* Nguyên đơn ông Trần Hữu L yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “ Tranh chấp ly hôn ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực F, phường H, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Anh T do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau nhưng vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2019 và chung sống đến tháng 5/2020 thì ly thân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy ông bà chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận. Vì vậy, theo quy định trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng nên áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung, nợ chung:* Ông bà xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung:* Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia tài sản chung là 30 chỉ vàng 24k được cha mẹ cho trong ngày cưới, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung đối với bị đơn bà T do các bên tự thỏa thuận là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện tranh chấp tài sản chung là phù hợp.

[4] *Về án phí sơ thẩm:*

+ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Trần Hữu L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ *Về án phí chia tài sản:* Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

[5] Xét đề nghị quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên án:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Anh T là vợ chồng.

2/ Về con chung, nợ chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp tài sản chung do nguyên đơn ông Trần Hữu L rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

4/ Về án phí sơ thẩm:

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Trần Hữu L phải nộp số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/012391 ngày 30/9/2020, công nhận ông đã nộp xong.

- *Về án phí chia tài sản:* Nguyên đơn ông Trần Hữu L được nhận lại số tiền 2.325.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/012392 ngày 30/9/2020.

5/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Bá Lộc